

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
KHOA THƯ VIỆN – THÔNG TIN HỌC
GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

(Ban hành theo quyết định số
của Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV)

TP. HỒ CHÍ MINH – 2015

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN KHÁI QUÁT	4
TÂM NHÌN, SỨ MẠNG, MỤC TIÊU	6
PHẦN I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011-2015	7
1. Công tác phát triển nguồn nhân lực	7
2. Công tác đào tạo	8
3. Công tác nghiên cứu khoa học.....	9
4. Công tác hợp tác quốc tế.....	10
5. Công tác sinh viên, chính trị, tư tưởng	11
6. Công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng	12
PHẦN II. PHÂN TÍCH CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ CÁC ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU	13
1. Cơ hội	13
2. Thách thức	13
3. Điểm mạnh.....	13
4. Điểm yếu.....	14
PHẦN III. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA THU VIỆN – THÔNG TIN HỌC GIAI ĐOẠN 2016 – 2020	15
1. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC	15
1.1 Mục tiêu	15
1.2 Giải pháp.....	15
1.3 Khung công việc	16
1.4 Chỉ tiêu.....	16
2. ĐÀO TẠO.....	17
2.1 Mục tiêu	17
2.2 Giải pháp.....	17
2.3 Khung công việc	17
2.4 Chỉ tiêu.....	17

3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	18
3.1 Mục tiêu	18
3.2 Giải pháp.....	18
3.3 Khung công việc	19
3.4 Chỉ tiêu.....	20
4. HỢP TÁC QUỐC TẾ	20
4.1 Mục tiêu	20
4.2 Giải pháp.....	20
4.3 Khung công việc	21
4.4 Chỉ tiêu.....	21
5. CÔNG TÁC SINH VIÊN, CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG.....	21
5.1 Mục tiêu	21
5.2 Giải pháp.....	21
5.3 Khung công việc	22
5.4 Chỉ tiêu.....	22
6. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	24
6.1. Mục tiêu	24
6.2 Giải pháp.....	24
6.3 Khung công việc	24
6.4 Chỉ tiêu.....	25

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN KHOA

Tên tiếng Việt: Khoa Thư viện – Thông tin học

Tên tiếng Anh: Faculty of Library and Information Science

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

Địa chỉ: A103, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38293828 (143)

Email: thuvienthongtin@hcmussh.edu.vn

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 7 năm 1984, khoa Thư viện được thành lập tại trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh theo quyết định của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

Khi mới thành lập, đội ngũ cán bộ giảng dạy chủ yếu được thỉnh giảng từ các cơ quan và các trường khác như Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh, Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Năm 1990, trước yêu cầu của thực tiễn hoạt động thư viện, ngoài những chức năng truyền thống là tàng trữ và luân chuyển tài liệu, thư viện còn gắn với chức năng thông tin khoa học, do đó, khoa Thư viện được đổi tên thành khoa Thư viện – Thông tin học. Đồng thời với việc đổi tên, mục tiêu đào tạo của khoa cũng đã thay đổi để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới.

Sau 10 năm phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, từ năm 1994, khoa bắt đầu hình thành hai bộ môn: *Thư viện học* và *Thông tin – Thư mục*. Từ đây, chương trình đào tạo của khoa Thư viện – Thông tin học luôn có sự cập nhật, điều chỉnh để bám sát với thực tiễn, theo kịp trình độ phát triển của khoa học Thư viện – Thông tin trong khu vực và trên thế giới. Đến năm 2004, nội dung chương trình đào tạo bậc Đại học đã được nghiên cứu và mở rộng, phát triển theo hướng hiện đại hơn.

Ngày 27 tháng 02 năm 2003, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 77/QĐ/ĐHQG-SĐH giao cho trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nhiệm vụ đào tạo cao học (*Thạc sỹ*) ngành khoa học Thư viện (*Mã số đào tạo: 60 32 20*). Khoá cao học đầu tiên khai giảng vào tháng 9 năm 2003 đánh dấu một mốc quan trọng trong

quá trình phát triển của khoa. Ngoài công tác đào tạo, cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa Thư viện – Thông tin học còn tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học trong và ngoài trường.

Hiện nay, khoa Thư viện – Thông tin học đào tạo bậc đại học ngành Thông tin học với hai chuyên ngành Thư viện – Thông tin và Quản trị thông tin; và đào tạo bậc cao học chuyên ngành Khoa học thông tin thư viện

ĐỘI NGŨ

Nhân sự của Khoa có 16 giảng viên và 01 thư ký – giáo vụ, 01 chuyên viên phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, trong đó có 01 PGS.TSKH, 04 tiến sĩ, 03 nghiên cứu sinh, 07 thạc sĩ, 01 học viên cao học. Giảng viên của khoa được đào tạo từ các cơ sở đào tạo trong nước và ở các nước khác như Nga, Mỹ, Úc, New Zealand...

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Hiện nay Khoa có 2 bộ môn. Bộ môn Thư viện học với 07 giảng viên cơ hữu. Bộ môn Thông tin – Thư mục với 09 giảng viên cơ hữu.

QUY MÔ ĐÀO TẠO

Khoa có khoảng 400 sinh viên và học viên cao học thuộc loại hình đào tạo hệ chính quy và 50 sinh viên hệ vừa làm vừa học

TẦM NHÌN, SỨ MẠNG, MỤC TIÊU

Tầm nhìn

Khoa Thư viện – Thông tin học trường ĐHKHXH&NV là đơn vị đào tạo chất lượng cao ngành Thông tin học, đóng vai trò nòng cốt trong giáo dục đại học và cao học ngành Thư viện – Thông tin học của Việt Nam; từng bước mở rộng hoạt động nghiên cứu hướng đến đại học nghiên cứu theo tầm nhìn của trường ĐHKHXH&NV.

Sứ mạng

Khoa Thư viện – Thông tin học trường ĐHKHXH&NV là trung tâm cung ứng nguồn nhân lực chuyên nghiệp cho các hoạt động thu thập, tổ chức, quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin của mọi loại hình cơ quan/tổ chức trong xã hội; đồng thời góp phần xây dựng và triển khai các chuẩn nghiệp vụ của hoạt động thư viện, thông tin, tư liệu tại Việt Nam.

Mục tiêu

Giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030 khoa Thư viện – Thông tin học tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm khẳng định chất lượng cao và vị trí hàng đầu trong đào tạo lĩnh vực thư viện – thông tin học, cung cấp nguồn nhân lực cho các hoạt động tổ chức, quản lý và cung cấp thông tin.

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

1. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Thành quả

- Tất cả giảng viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn – 100% có bằng thạc sỹ trở lên
- Tuyển dụng mới 5 giảng viên, 1 giảng viên hợp đồng trách nhiệm và 1 nhân viên phục vụ đào tạo và nghiên cứu
- Tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên theo học các chương trình đào tạo bậc cao. Có 1 giảng viên hoàn thành chương trình thạc sỹ và đang tiếp tục theo học chương trình tiến sỹ tại Anh; 1 giảng viên hoàn thành chương trình tiến sỹ tại Úc và hiện đang theo học một chương trình nâng cao; 2 giảng viên đang theo học chương trình tiến sỹ trong nước; và 1 nhân viên đang theo học chương trình thạc sỹ trong nước
- Phần lớn giảng viên có tham gia hoạt động nghề nghiệp thực tiễn và một số giảng viên tham gia hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp trong nước
- Thực hiện thường xuyên các chuyên đề sinh hoạt học thuật giúp giảng viên trau dồi kiến thức
- Đội ngũ giảng viên trẻ chiếm đa số, có tinh thần trách nhiệm và nhiều tiềm năng
- Tăng cường đội ngũ bằng cách ký hợp đồng trách nhiệm với các giảng viên thỉnh giảng có trình độ và kinh nghiệm

Hạn chế

- Số giảng viên có trình độ tiến sỹ chưa nhiều và còn thiếu giảng viên có học vị từ Phó Giáo sư trở lên
- Gia tăng số lượng giảng viên chưa đủ theo chỉ tiêu
- Chưa kịp thời có lực lượng thay thế số giảng viên giàu kinh nghiệm đến tuổi nghỉ hưu
- Thực tế và nguy cơ giảng viên chuyển việc sau khi được đào tạo tại nước ngoài khá cao. Đã có 2 giảng viên chuyển việc sau khi được đào tạo thạc sỹ tại châu Âu
- Rất ít giảng viên tham gia các hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, cũng như các khoá tập huấn nâng cao trình độ

2. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

2.1 Bậc đại học

Thành quả

- Hoàn thiện chương trình giáo dục và đề cương chi tiết môn học với nội dung đổi mới, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn
- Đổi tên ngành Thư viện – Thông tin học thành Thông tin học nhằm mở rộng phạm vi đào tạo và cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp
- Mở mới chuyên ngành Quản trị thông tin, xây dựng hoàn chỉnh và triển khai áp dụng chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị thông tin
- Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhiệm hầu hết môn học, tỷ lệ mời thỉnh giảng chiếm khoảng 10%
- Phương pháp giảng dạy được đổi mới theo hướng đáp ứng yêu cầu của học chế tín chỉ
- Duy trì hoạt động khảo sát ý kiến SV về các môn học trong từng học kỳ; Bước đầu chủ động khảo sát ý kiến của nơi tiếp nhận SV trong các đợt thực tập về kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV và chương trình đào tạo
- Thực hiện tốt việc tổ chức lấy ý kiến các nhà tuyển dụng và điều chỉnh CTĐT theo quy định của trường
- Biên soạn 04 giáo trình
- Tuyển sinh và tổ chức đào tạo được 1 khoá hệ Vừa làm vừa học
- Hoạt động quảng bá ngành học, chương trình đào tạo được thực hiện thường xuyên
- Triển khai đúng tiến độ kế hoạch giảng dạy hàng năm
- Tỷ lệ SV tốt nghiệp trước thời hạn và đúng thời hạn cao

Hạn chế

- Tài liệu chuyên ngành không được cập nhật thường xuyên, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của học viên, SV
- Trang thiết bị phục vụ thực hành còn thiếu, chưa đáp ứng tốt yêu cầu thực hành chuyên môn của SV

2.2 Bậc sau đại học

Thành quả

- Triển khai đúng tiến độ các kế hoạch giảng dạy, bảo vệ đề cương của các khóa
- Cung cấp thông tin và hỗ trợ kịp thời cho học viên trong quá trình học tập
- Tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn hỗ trợ đào tạo như hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề, tọa đàm, v.v... phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên cao học

Hạn chế

- Một số giảng viên phải đảm nhiệm cùng lúc nhiều môn học
- Tỷ lệ học viên bảo vệ luận văn trễ hạn cao
- Các hoạt động sinh hoạt chuyên môn hỗ trợ đào tạo do Khoa tổ chức chưa thực sự thu hút học viên tham dự đầy đủ.
- Đội ngũ GV còn thiếu nên gặp nhiều khó khăn trong việc phân công giảng viên hướng dẫn luận văn

3. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3.1 Nghiên cứu khoa học giảng viên

Thành quả

- Số lượng giảng viên tham gia viết bài và số lượng bài viết được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tăng:
 - + 04 giáo trình
 - + 06 bài viết đăng tạp chí quốc tế, 37 bài đăng tạp chí, tạp san chuyên ngành và một số bài viết đăng trong kỷ yếu hội thảo trong nước
- Giảng viên tham gia và làm chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu gia tăng: hoàn thành và nghiệm thu 01 đề tài cấp cơ sở, chuẩn bị nghiệm thu 1 đề tài cấp Đại học Quốc gia; 02 đề tài cấp cơ sở đang thực hiện
- Các hoạt động sinh hoạt chuyên đề học thuật, tập huấn được tổ chức thường xuyên và đảm bảo đúng kế hoạch
- Tổ chức thành công 2 hội thảo khoa học cấp trường, thu hút được sự quan tâm của các chuyên gia, cán bộ giảng dạy, cán bộ thư viện, học viên và SV trong nước

Hạn chế

- Tuy có gia tăng nhưng số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học vẫn còn ít, chiếm khoảng 50% tổng số giảng viên trong Khoa
- Số lượng công bố khoa học chỉ tập trung ở một số giảng viên thường xuyên tham gia nghiên cứu khoa học
- Giảng viên chưa chủ động tìm kiếm và tham gia các hoạt động học thuật được tổ chức trong và ngoài nhà trường

3.2 Nghiên cứu khoa học sinh viên

Thành quả

- Đã có những hoạt động định hướng SV tham gia tích cực hoạt động nghiên cứu khoa học mỗi năm
- Tổng số đề tài NCKH sinh viên đã nghiệm thu từ 2011-2015 là 6 đề tài, đăng ký mới 5 đề tài
- 01 đề tài nghiên cứu khoa học của SV đạt giải thưởng cấp trường

Hạn chế

- Học viên cao học, SV chưa tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học do Khoa và Nhà trường tổ chức
- SV chưa chủ động trong nghiên cứu khoa học (đăng ký, làm việc với giảng viên hướng dẫn, thiếu kỹ năng nghiên cứu khoa học, v.v...)

4. CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ

Thành quả

- Thực hiện được một số chương trình tọa đàm trao đổi học thuật với giáo sư các trường quốc tế
- Tận dụng được các chương trình học bổng, đề cử giảng viên theo học các hệ đào tạo bậc cao tại các trường quốc tế

Hạn chế

- Chưa tìm kiếm được các dự án, chương trình với đối tác nước ngoài
- Chưa có đủ nhân sự có năng lực phù hợp cho việc thiết lập hoạt động hợp tác nước ngoài.

5. CÔNG TÁC SINH VIÊN, CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG

Thành quả

- Phân công giảng viên trẻ phụ trách CTSV, bảo đảm việc nắm bắt thông tin về các hoạt động Đoàn – Hội của Trường, Khoa kịp thời; đồng thời phổ biến chỉ đạo của Ban chủ nhiệm khoa đến SV một cách chính xác, đầy đủ
- Tổ chức thành công các hoạt động truyền thống hàng năm của Khoa như chào mừng ngày nhà giáo 20-11, hội trại truyền thống, giải bóng đá truyền thống
- Phát triển câu lạc bộ học thuật Pro-Lis và xây dựng kế hoạch hoạt động hỗ trợ SV học tập và rèn luyện các kỹ năng mềm
- Tổ chức và thu hút sinh viên Khoa và SV các đơn vị khác tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ
- SV tích cực tham gia các hoạt động xã hội như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi... và tổ chức thành công các hoạt động gắn liền với nghề nghiệp tương lai như quyên góp sách, tổ chức thư viện cho trẻ em vùng sâu...
- Bước đầu tổ chức thành công và hiệu quả các hoạt động Đối thoại SV, tọa đàm về phương pháp học đại học, kỹ năng xin việc, ngày hội ra trường
- Thành lập ban liên lạc cựu SV, làm cầu nối cho việc tuyển dụng nghề nghiệp; thành lập quỹ học bổng cựu SV cho các hoàn cảnh khó khăn học tốt
- Nắm bắt thông tin và hỗ trợ kịp thời SV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bệnh tật
- Thường xuyên cập nhật thông tin về các chương trình, hoạt động của SV trên website Khoa, các thông tin về tuyển dụng việc làm, việc làm thêm
- Có một số SV ưu tú tham gia học lớp bồi dưỡng chính trị dành cho đối tượng Đảng và được kết nạp Đảng
- Thực hiện việc tự đánh giá CTSV theo quy định và được xếp loại tốt
- Về công tác chính trị, tư tưởng của giảng viên, 1 giảng viên trở thành đảng viên chính thức, 2 giảng viên tham gia học lớp bồi dưỡng chính trị dành cho đối tượng Đảng

Hạn chế

- SV chưa thực sự có thói quen tự giác tham gia các chương trình, hoạt động; phần lớn SV tham gia vì điểm rèn luyện

- Công tác truyền thông, phổ biến thông tin đến SV đôi khi còn bất cập dẫn đến tình trạng huy động SV hạn chế (nguyên nhân khách quan do phía Đoàn – Hội trường gửi thông báo cận ngày tổ chức)
- Các chương trình phát huy được tính sáng tạo ngành nghề cho SV chưa thu hút sinh viên tham gia
- Hoạt động Đoàn – Hội chưa chú trọng đến việc đề xuất các giải pháp, mô hình sáng tạo trong SV, đặc biệt liên quan đến lĩnh vực đào tạo
- Công tác tình nguyện, xã hội và ngoại giao của SV còn hạn chế

6. CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Thành quả

- Có đội ngũ chuyên trách ổn định cho Tổ Đảm bảo chất lượng của Khoa. Tổ Đảm bảo chất lượng thực hiện tốt các trách nhiệm: tham gia các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng do nhà trường tổ chức; Xây dựng kế hoạch hoạt động, cập nhật chủ trương và thông báo từ nhà trường, triển khai thực hiện các công việc cụ thể và định kỳ
- Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu công văn lưu trữ: Tạo lập cơ sở dữ liệu công văn lưu trữ bản in và bản điện tử
- Đã xây dựng bộ quy trình, hồ sơ, biểu mẫu cho các công việc cơ bản của Khoa
- Rà soát và đánh giá kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng theo định kỳ, có báo cáo đánh giá công tác đảm bảo chất lượng hàng năm
- Tự đánh giá và đánh giá chất lượng theo kế hoạch của Nhà trường
- Tổ chức được hoạt động lấy ý kiến đánh giá của người học, đồng nghiệp cho các bậc đào tạo: Lấy kiến đánh giá môn học theo từng học kỳ theo kế hoạch của nhà trường; Lấy kiến đánh giá toàn khóa học của SV tốt nghiệp hàng năm; Lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng SV tốt nghiệp theo định kỳ 2 năm/1 lần

Hạn chế

- Việc cập nhật, điều chỉnh các quy trình, biểu mẫu chưa được thực hiện thường xuyên
- Chưa sẵn sàng cho các chương trình kiểm định quốc tế

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Với những thành quả và hạn chế vừa nêu, bài học kinh nghiệm cần được lưu ý nhằm thúc đẩy các yếu tố tích cực và khắc phục hạn chế bao gồm:

- Phát huy tinh thần nhiệt tình, trách nhiệm cao của đội ngũ nhân sự đối với công việc và sự phát triển của Khoa. Xây dựng yếu tố này như một đặc điểm văn hoá của Khoa.
- Phát huy vai trò kết nối của người lãnh đạo Khoa thông qua sự gần gũi, tận tình hướng dẫn lớp trẻ, gương mẫu và thái độ công bằng trong phân công và đánh giá công việc.
- Kiểm soát được các mục tiêu và khả năng thực hiện nhằm đảm bảo sự thành công, hiệu quả của các hoạt động.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển nhân lực cả chất lượng và số lượng nhằm khắc phục tình trạng thiếu nhân sự đã diễn ra trong thời gian khá dài.

PHẦN II

PHÂN TÍCH CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ CÁC ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU

1. Cơ hội

- Nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ tổ chức và quản lý thông tin ngày càng tăng trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội
- Các cơ sở hoạt động thông tin tư liệu ngày càng chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp cả về số lượng và chất lượng
- Nhà trường quan tâm và tạo điều kiện cho các hoạt động của Khoa

2. Thách thức

- Yêu cầu thực tế đối với cán bộ thông tin – thư viện ngày càng cao, đặc biệt là các kỹ năng ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng ngoại ngữ. Bên cạnh đó, đặc điểm môi trường làm việc của cán bộ thông tin – thư viện rất đa dạng và thay đổi liên tục. Vì vậy, chương trình đào tạo phải được kịp thời điều chỉnh và cập nhật thường xuyên. Mặt khác, nhằm đáp ứng tính đa dạng của môi trường làm việc, chương trình đào tạo phải được thiết kế linh hoạt và đa dạng cho phép người học nhiều lựa chọn đối với các môn bổ trợ và tự chọn
- Hiểu biết của xã hội về ngành này chưa được đầy đủ và phổ biến tại Việt Nam. Điều này ảnh hưởng đến sức thu hút cho đầu vào cũng như khả năng và cơ hội tìm việc của SV tốt nghiệp. Điều này cũng đòi hỏi công tác quảng bá, giới thiệu ngành nghề phải có chiến lược mạnh mẽ và lâu dài
- Ngày càng có nhiều đơn vị đào tạo bậc đại học chuyên ngành thư viện – thông tin trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và các vùng lân cận. Điều này khiến giảm số lượng đầu vào của Khoa, cũng như gia tăng tính cạnh tranh khi tìm việc của SV tốt nghiệp

3. Điểm mạnh

- Khoa có bề dày hoạt động trong hơn 30 năm, với chất lượng đào tạo ổn định nên đã tạo được uy tín nhất định trong các quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo khác và các cơ sở hoạt động thông tin – thư viện

- Khoa là một đơn vị đào tạo tại trường ĐH KHXH&NV thuộc ĐHQG-HCM – một trung tâm đào tạo đại học có uy tín, vì vậy có thể tận dụng được thế mạnh này trong việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.
- Số lượng lớn là CBGD trẻ, năng động, giàu nhiệt huyết và sáng tạo, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, hỗ trợ hoạt động chung của Khoa

4. Điểm yếu

- Đội ngũ CBGD hiện tại chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng. Phần lớn CBGD còn thiếu kinh nghiệm giảng dạy cũng như kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. Thiếu đội ngũ giảng viên có trình độ và kinh nghiệm để thiết kế và giảng dạy các môn học mới nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế
- Thiếu cơ sở vật chất như trang thiết bị công nghệ thông tin, thư viện thực hành, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ học tập.

PHẦN III

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC 2015-2020

Chiến lược phát triển Khoa Thư viện – Thông tin học bao gồm các chương trình:

1. Phát triển nguồn nhân lực
2. Đào tạo
3. Nghiên cứu khoa học
4. Hợp tác quốc tế
5. Công tác sinh viên, chính trị, tư tưởng
6. Đảm bảo chất lượng

1. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1.1 Mục tiêu

- Tiếp tục phát triển số lượng đội ngũ giảng viên và chuyên viên
- Nâng cao trình độ, năng lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ giảng viên và chuyên viên.

1.2 Giải pháp

- Quản lý nhân sự theo hướng quy định rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn của từng vị trí công tác nhằm gia tăng tính chuyên nghiệp và năng động của từng cá nhân
- Thiết lập nguyên tắc và môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, công khai, đảm bảo sự tham dự tối ưu, cũng như cơ hội trưởng thành của từng cá nhân đối với các công tác của Khoa
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn đối với từng cá nhân, trong đó quy định rõ lộ trình nâng cao học vị, phương thức thâm nhập thực tế nghề nghiệp và tham gia hoạt động của các tổ chức chuyên môn, cũng như các hoạt động học thuật
- Tận dụng các nguồn học bổng trong và ngoài nước, các cơ hội phát triển năng lực công tác cho từng cá nhân

- Tổ chức các định kỳ các hoạt động học thuật nhằm thúc đẩy giảng viên trau dồi trình độ chuyên môn, trình độ sư phạm, ngoại ngữ và có khả năng nắm bắt các ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động thông tin – thư viện cũng như trong công tác giảng dạy
- Tận dụng các nguồn khác nhau để tiếp tục tuyển dụng nhân sự phù hợp
- Ký hợp đồng trách nhiệm với các chuyên gia có trình độ cao tham gia các hoạt động đào tạo bậc cao học và nghiên cứu khoa học

1.3 Chỉ tiêu

STT	Chỉ số	2016	2020	2025
A	Giảng viên cơ hữu	16	20	25
	Giảng viên chính	4	6	15
	Giảng viên	12	14	10
	Giáo sư	0	0	0
	Phó Giáo sư	1	2	4
	Tiến sỹ	5	10	15
	Thạc sỹ	11	10	10
B	Thỉnh giảng	4	4	4
	Tổng cộng A&B	20	24	29
C	Cán bộ phục vụ	2	3	3
	Tổng cộng A&C	18	23	28

2. ĐÀO TẠO

2.1 Mục tiêu

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo,
- Mở rộng loại hình đào tạo (vừa học vừa làm, đào tạo ngắn hạn)
- Tăng cường và đổi mới hoạt động quảng bá ngành học nhằm thu hút SV, học viên

2.2 Giải pháp

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện chương trình đào tạo 2 chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành Quản trị thông tin

- Xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi, đề bài kiểm tra, bài tập
- Xây dựng và chuẩn hoá quy trình quản lý đào tạo đối với bậc đại học, sau đại học hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học
- Đẩy mạnh công tác quảng bá về hoạt động của Khoa, ngành học đối với cộng đồng

2.3 Chỉ tiêu

Bậc đào tạo	2016	2017	2018	2019	2020
Số đợt tuyển sinh Sau đại học	2	2	2	2	2
Số lượng đầu vào Đại học chính quy	100	100	110	110	120
Số lượng đầu vào Đại học vừa làm vừa học	20	25	30	35	40
Số lượng khoá đào tạo ngắn hạn	3	4	4	5	5

3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3.1 Mục tiêu

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, học viên, SV;
- Chú trọng chất lượng và tăng số lượng công bố khoa học

3.2 Giải pháp

3.2.1 Nghiên cứu khoa học giảng viên

- Có kế hoạch và cam kết thực hiện các sản phẩm nghiên cứu
- Đa dạng các sản phẩm nghiên cứu khoa học như đề tài các cấp, giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo, bài báo, tạp chí, tham luận hội thảo
- Tổ chức định kỳ các hoạt động nghiên cứu khoa học như hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt học thuật, báo cáo chuyên đề về các vấn đề trong lý luận và thực tiễn nghề nghiệp
- Chủ động tìm kiếm cơ hội và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học trong và ngoài nhà trường như hội thảo, tọa đàm khoa học, giao lưu, học hỏi, v.v
- Tăng cường hoạt động trao đổi học thuật, phối hợp nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo khác, các cơ quan trong và ngoài nước

3.2.2 Nghiên cứu khoa học sinh viên

- Tổ chức định kỳ các đợt giới thiệu các hướng nghiên cứu cho SV
- Tổ chức định kỳ hoạt động hướng dẫn kỹ năng nghiên cứu khoa học dành cho SV
- Phân công giảng viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học SV theo hướng đề tài do giảng viên cung cấp; thu hút SV tham gia các đề tài do giảng viên làm chủ nhiệm

3.3 Chỉ tiêu

Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
Tổ chức hội thảo khoa học cấp trường	1	0	1	0	1
Tổ chức sinh hoạt học thuật định kỳ	11	12	12	12	12
Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo	0	1	0	1	1
Số lượng GV đăng ký đề tài NCKH các cấp	2	2	2	2	2
Tổng số bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế	10	12	12	12	12
Số lượng GV tham gia hướng dẫn SV NCKH	5	5	5	5	5
GV tham gia giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học thuật, kỹ năng nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo, hội nghề nghiệp khác...	1	1	1	1	1
Nghiên cứu khoa học sinh viên					
Số lượng đề tài NCKH SV đăng ký	5	5	5	5	5
Số lượng SV tham gia NCKH	10	12	12	12	12
Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng NCKH, báo cáo khoa học dành cho SV	1	1	1	1	1

4. HỢP TÁC QUỐC TẾ

4.1 Mục tiêu

Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác và khả năng hội nhập quốc tế của giảng viên.

4.2 Giải pháp

- Xây dựng nhóm phụ trách công tác hợp tác quốc tế
- Thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế để thực hiện việc bồi dưỡng nghiệp vụ, trao đổi học thuật cho giảng viên
- Tham gia các dự án, chương trình bổng học tập, nghiên cứu, thực tập tại các cơ sở nước ngoài, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế...

4.3 Chỉ tiêu

Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
GV tham gia vào các chương trình học bổng nâng cao trình độ chuyên môn tại cơ sở quốc tế	2	2	2	2	2
Mời chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, trao đổi học thuật	1	1	1	1	1
GV đi thực tập thực tế tại cơ sở quốc tế	1	1	1	1	1
GV tham gia vào các hoạt động chuyên môn do các tổ chức quốc tế tổ chức	2	2	2	2	2

5. CÔNG TÁC SINH VIÊN, CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG

5.1 Mục tiêu

- Tạo môi trường chính trị, xã hội tốt và thực hiện các hỗ trợ thích hợp để SV học tập, rèn luyện và tu dưỡng đạo đức
- Mở rộng mối quan hệ với các đơn vị trong, ngoài trường
- Tăng cường, đa dạng hoá điều kiện và hoạt động giáo dục và hỗ trợ SV.

5.2 Giải pháp

- Xây dựng và hoàn thiện phương thức và các quy trình cho CTSV, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng nhân sự.
- Tăng cường vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp của giáo vụ, trợ lý CTSV, giáo viên chủ nhiệm lớp trong thực hiện và giải quyết các vấn đề liên quan

- Lập kế hoạch và biện pháp cụ thể hỗ trợ SV trong học tập, NCKH, hoạt động xã hội, phong trào thể thao – văn nghệ, tình nguyện. Đặc biệt chú trọng các hoạt động xã hội gắn kết SV với nghề nghiệp tương lai
- Phổ biến thông tin thường xuyên qua nhiều kênh khác nhau về các nội dung liên quan cho SV và giảng viên
- Tổ chức định kỳ các buổi đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với SV
- Tổ chức định kỳ các chuyên đề về kỹ năng học tập, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cho SV
- Phát triển và tạo lập các mối quan hệ thường xuyên với các thư viện, trung tâm thông tin thông qua việc tiến hành các buổi tham quan thực tế cơ sở, các kỳ thực tập giữa khóa, thực tập cuối khóa
- Phát triển các mối quan hệ với SV, tổ chức các diễn đàn giao lưu, tư vấn hướng nghiệp giữa cựu SV và SV; thành lập và duy trì hoạt động của ban liên lạc cựu SV, gây quỹ học bổng từ cựu SV

5.3 Chỉ tiêu

Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
Chấp hành, thực hiện quy chế CTSV, quy chế đánh giá rèn luyện	100%	100%	100%	100%	100%
BCH Đoàn – Hội tham gia chương trình Hạt giống đỏ	80%	80%	80%	80%	80%
Giới thiệu thành viên BCH tham gia lớp đối tượng cảm tình Đảng	20%	20%	20%	20%	20%
Tổng số SV tham gia các khoá học, tọa đàm hướng dẫn kỹ năng học tập, kỹ năng mềm	50%	60%	60%	70%	70%
Số lần thu thập, cập nhật dữ liệu SV	2	2	2	2	2
Số lần tổ chức đối thoại, gặp gỡ, giao lưu giữa cựu SV – SV Khoa	1	1	1	1	1

Số lần mỗi SV tham gia chương trình sinh hoạt học thuật, kỹ năng	1	1	1	1	1
Số lần mỗi SV tham gia hoạt động tình nguyện	1	1	1	1	1
Giới thiệu giảng viên tham gia lớp đối tượng cảm tình Đảng	1	1	1	2	2

6. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

6.1. Mục tiêu

- Xây dựng quy tắc làm việc theo các quy định đảm bảo chất lượng
- Từng bước tham gia các hoạt động đánh giá, kiểm định chương trình giáo dục.

6.2 Giải pháp

- Chuyên nghiệp hoá tổ đảm bảo chất lượng (phân công, tập huấn, thiết lập quy tắc làm việc)
- Quy trình hoá công tác quản lý của Khoa
- Tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ, minh chứng theo hệ thống
- Điều tra, khảo sát môn học, đầu ra và ý kiến nhà tuyển dụng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo kế hoạch và có tổng kết, rút kinh nghiệm

6.3 Chỉ tiêu

Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
Tập huấn quy định, tiêu chuẩn kiểm định	x	x	x	x	x
Thiết lập quy tắc làm việc đảm bảo chất lượng	x	x			
Hoàn thành bộ quy trình	x	x			
Tổ chức hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu	x	x			
Lấy ý kiến cơ sở tiếp nhận thực tập	x	x	x	x	x
Khảo sát đánh giá môn học	x	x	x	x	x
Khảo sát đánh giá của SV tốt nghiệp	x	x	x	x	x
Lấy ý kiến của nhà tuyển dụng		x		x	

